

Số: 41 /2016/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất năm 2015 ban hành
kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 877/TTr-STNMT ngày 10 tháng 10 năm 2016, Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 305/BC-STP ngày 07 tháng 10 năm 2016 và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 330/HĐND-TT ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất năm 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

1. Đất ở tại đô thị:

a) Thành phố Cà Mau: Bổ sung giá đất ở của 10 đoạn đường;

b) Huyện Thới Bình: Bổ sung giá đất ở của 06 đoạn đường;

c) Huyện U Minh: Bổ sung giá đất ở của 01 đoạn đường;

- d) Huyện Trần Văn Thời: Bổ sung giá đất ở của 05 đoạn đường;
- đ) Huyện Cái Nước: Bổ sung giá đất ở của 01 đoạn đường;
- e) Huyện Phú Tân: Bổ sung giá đất ở của 01 đoạn đường;
- g) Huyện Đầm Dơi: Bổ sung giá đất ở của 09 đoạn đường;
- h) Huyện Năm Căn: Bổ sung giá đất ở của 07 đoạn đường.

2. Đất ở tại nông thôn:

- a) Thành phố Cà Mau: Bổ sung giá đất ở của 06 đoạn đường;
- b) Huyện Thới Bình: Bổ sung giá đất ở 24 của đoạn đường;
- c) Huyện U Minh: Bổ sung giá đất ở của 12 đoạn đường;
- d) Huyện Trần Văn Thời: Bổ sung giá đất ở của 12 đoạn đường;
- đ) Huyện Phú Tân: Bổ sung giá đất ở của 13 đoạn đường;
- e) Huyện Năm Căn: Bổ sung giá đất ở của 03 đoạn đường.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính và sở, ngành, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phù hợp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

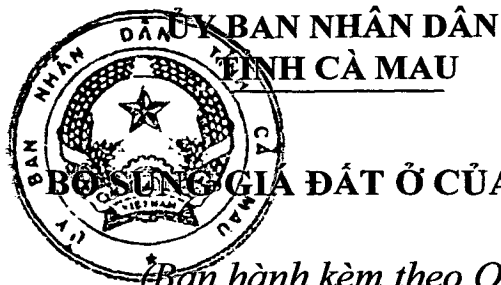
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Cà Mau;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Cà Mau;
- Báo Cà Mau;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-TN (Nguyên, 02/12);
- Lưu: VT. Tr 85/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**BỔ SUNG GIÁ ĐẤT Ở CỦA CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHƯA CÓ TÊN VÀO BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2015
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2016/QĐ-UBND ngày 19 / 12 /2016 của UBND tỉnh Cà Mau)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

1. THÀNH PHỐ CÀ MAU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất bổ sung năm 2016
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường số 2	Đường 3/2	đường N10 (thuộc Dự án Công ty Hoàng Tâm)	3.500
2	Đường Nguyễn Bính	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	3.000
3	Đường Bà Triệu	Đường 3/2	Đường Nguyễn Bính	3.500
4	Đường số 2 (Khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc thành phố Cà Mau (Khu A))	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 1 (Khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc thành phố Cà Mau (Khu A))	4.000
5	Đường Ngô Gia Tự nối dài (tên cũ: Đường số 3)	Ranh Dự án khu hành chính và công trình công cộng cửa ngõ Đông Bắc	Hết ranh phường 5	4.000
6	Đường Lạc Long Quân (Khu Công Nông 2, phường 7, TP. Cà Mau)	Đường An Dương Vương	Đoàn Thị Điểm	10.000

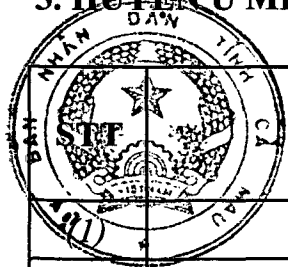
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất bổ sung năm 2016
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7	Đường vào Công ty Thành Đoàn	Đường Xí nghiệp Gõ	Hết đường hiện hữu	1.800
8	Đường vào Xí nghiệp Gõ	Đường lê Hồng Phong	Hết đường láng nhựa hiện hữu	2.000
9	nt	Hết đường láng nhựa hiện hữu	Sông Gành Hào	1.500
10	Kênh Bà Cai	Đường Trương Phùng Xuân	Giáp ranh xã Lý Văn Lâm	800

2. HUYỆN THỚI BÌNH



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu Bà Hội	Cầu Láng Trâm	500
2	nt	Cầu Láng Trâm	Cầu Bà Đặng	700
3	nt	Cầu Bà Đặng	Giáp ranh xã Thới Bình	500
4	nt	Giáp ranh xã Thới Bình	Kênh Ba Chùa	400
5	Đường Thới Bình - U Minh	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu treo qua Sông Trẹm	400
6	nt	Cầu treo qua Sông Trẹm	Giáp ranh xã Thới Bình	300

3. HUYỆN U MINH



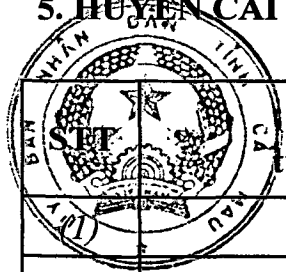
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất bổ sung năm 2016
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tuyến lộ Nội ô, thị trấn U Minh	Bờ Bắc Kênh 12 (Bờ bắc)	Hết ranh trường Mầm non Hương Tràm	1.100

4. TRẦN VĂN THỜI

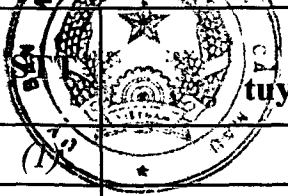


	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đất năm 2015 (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1. Thị trấn Trần Văn Thời				
1	Tuyến đường số 2	Ranh đất ông Nguyễn Đức Thịnh	Giáp đường số 4	4.700
2	Tuyến đường số 5	Đường số 2	Đường số 3	4.700
3	Tuyến đường số 9	Đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giáp đường số 4A	5.000
4	Tuyến đường số 3	Đường số 9	Giáp đường số 10	4.700
5	Tuyến đường số 10	Đường Nguyễn Ngọc Sanh	Giáp đường số 3	3.000

5. HUYỆN CÁI NƯỚC



	Đường, tuyên lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đất năm 2015 (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1	Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ)	Đường 2 tháng 9	Hẻm số 2	1.200

6. HUYỆN PHÚ TÂN

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Khu Công ty Cadovimex	Cầu Dự án (phía tây)	Hết ranh đất ông Trương Thành Tri (Giáp kênh Đôn)	150

7. HUYỆN ĐÀM ĐOAI



(1)	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đề xuất (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
2	Đường Nguyễn Tạo nối dài	Đường 19/5	Đường Ngô Bình An	1.500
3	nt	Đường Ngô Bình An	Đường Cầu Cây Dương	1.200
1	Đường Tô Văn Mười nối dài	Đường Phạm Minh Hoài	Đường Nguyễn Tạo	2.500
4	Đường vào trường tiểu học Phan Ngọc Hiến	Đường Tô Thị Tề	Hết ranh trường tiểu học	700
5	Đường sau khu hành chính huyện	Đường Dương Thị Cẩm Vân	Đường 30/4	1.000
6	Đường Quách Văn Phẩm	Đường Huỳnh Kim Tấn	Đường Tô Văn Mười	1.500
Khu chỉnh trang Dân cư nhóm 2				
7	Đường số 1	Đường số 2	Đường Tô Thị Tề	1.400
8	Đường số 3	Đường số 1	Đường Phan Ngọc Hiến	1.400
9	Đường Phan Ngọc Hiến	Đường Tô Thị Tề	Tạ An Khương	1.400


8. HUYỆN NĂM CĂN



	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đề xuất (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1	Khóm 6	Đường Nguyễn Việt Khải	Hết ranh đất ông Đặng Hoàng Tiến	400
2	Khóm 6	Ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Trần Hậu Sơn (Đầu nối ra hẻm Bác sỹ Sơn)	400
3	Khóm 6	Các tuyến lộ bê tông còn lại thuộc khóm 6 có chiều rộng 1,5 mét		400
4	Khóm 5	Các tuyến còn lại trong khóm 5		400
5	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Xẻo Nạn	Hết ranh đất thị trấn Năm Căn	400
6	Khóm Sa Phô	Trại giống 202	Cầu Xẻo Nạn	300
7	Khóm Cái Nai	Cầu Ông Tình	Hết ranh đất ông Đinh Văn Thế	400

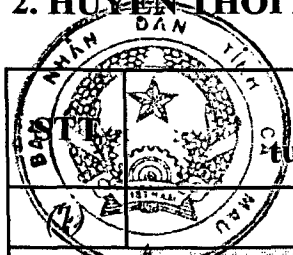
II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

1. THÀNH PHỐ CÀ MAU



(1)	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đề xuất (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1	Các tuyến lộ bê tông từ 2,0 - 2,5m (Xã Tân Thành và xã Tắc Vân)			350
2	Các tuyến lộ bê tông từ 2,5 - 3m (Xã Tân Thành và xã Tắc Vân)			400
3	Các tuyến lộ bê tông > 3m (Xã Tân Thành và xã Tắc Vân)			450
4	Các tuyến lộ bê tông từ 2,0 - 2,5m (Xã Hòa Tân)			340
5	Các tuyến lộ bê tông từ 2,5 - 3m (Xã Hòa Tân)			370
6	Các tuyến lộ bê tông từ > 3m (Xã Hòa Tân)			420

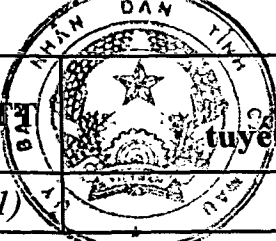
2. HUYỆN THỚI BÌNH



	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đề xuất (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1. Xã Biển Bạch				
1	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh xã Tân Bằng	Rạch Ngã Bát	350
2	Lộ Bờ Tây Sông Trẹm	Giáp ranh xã Tân Bằng	Kênh 25	150
3	Lộ Kênh 12	Sông Trẹm (Vàm Kênh 12)	Ranh Hặt (Kênh xang cung kênh 12)	150
2. Xã Tân Bằng				
4	Lộ Kênh Trường học	Đình thần Tân Bằng	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	350
5	Lộ Kênh 11 lớn	Đầu kênh 11 lớn (Giáp Sông Trẹm)	Giáp ranh huyện U Minh	250
6	Lộ Bờ Tây Sông Trẹm	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh 11 lớn	200
7	nt	Hết ranh chùa Hưng Hạnh Tự	Giáp ranh xã Biển Bạch	200
8	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh 3+120m (Hết ranh xã Biển Bạch Đông)	Kênh 5	350
9	nt	Kênh 5	Kênh 7	400
10	nt	Kênh 7	Giáp ranh xã Biển Bạch	350
3. Xã Biển Bạch Đông				
11	Lộ Bờ Tây sông Trẹm	Kênh số 6	Giáp ranh xã Tân Bằng	200

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đề xuất
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Kênh Ba Chùa (Giáp ranh thị trấn Thới Bình)	Kênh Ba Hàng Mít (Giáp xã Tân Bằng)	350
4. Xã Trí Phải				
13	Lộ Trí Phải - TT. Thới Bình (Bờ Bắc Kênh Chác Bông)	Kênh Kiểm	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	300
14	nt	Kênh Kiểm + 400m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	Ngang Kênh Lầu	200
5. Xã Thới Bình				
15	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp ranh thị trấn Thới Bình (cầu Bà Hội)	Giáp ranh xã Hồ Thị kỷ (Cầu Ông Hương)	450
16	Đường Đê Tây sông Chác Bông	Giáp ranh thị trấn Thới Bình	Giáp ranh xã Trí Phải	350
17	Đường Bờ Đông Sông Trẹm	Giáp ranh thị trấn Thới Bình (cầu Bà Hội)	Rạch Ông Hương	200
18	Lộ về Trung tâm xã Thới Bình	Giáp lộ Láng Trâm (Thới Bình - Tân Lộc)	Trụ sở UBND xã Thới Bình	350
19	Đường Thới Bình - U Minh	Giáp ranh thị trấn Thới Bình	Giáp ranh huyện U Minh	300
6. Xã Hồ Thị Kỳ				
20	Đường Hành lang ven biển phía Nam	Giáp lộ Võ Văn Kiệt	Cầu Bến Gỗ	500
21	nt	Cầu Bến Gỗ	Cầu Thị Phụng	450
22	nt	Cầu Thị Phụng	Giáp ranh xã Thới Bình	400
7. Xã Tân Lộc Đông				
23	Tuyến Kênh C3	Lộ Tân Phong	Lộ Bê tông kênh xáng Láng Trâm	150
24	Tuyến Kênh xáng Tân Phong	Giáp Kênh xáng Phụng Hiệp	Cầu lung Trâm	150

3. HUYỆN U-MINH



STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Khánh Hòa				
1	Tuyến Lộ Khâu Bào	Ngã tư Kênh Lung Ngang	Giáp áp 10, xã Khánh Tiến	150
2	Kênh Xáng Đứng	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Giáp kênh Lung Ngang	150
3	Tuyến 10 hộ Cái Nước	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Ngã ba kênh Chử Đình giáp hậu kênh xã Thìn	150
4	Kênh Tuổi Trẻ	Kênh Tuổi Trẻ (bờ Đông)	Giáp ranh đất ông Phạm Quốc Lil	150
2. Xã Khánh Tiến				
5	Tuyến Kênh Hội (phía Đông) kênh Hội nhỏ	Kênh Hương Mai	Kênh Tuổi trẻ	150
6	Kênh Tuổi Trẻ (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh Xáng Ganh	150
7	Kênh tuyến II (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh Xáng Ganh	150
8	Kênh tuyến III (phía Nam)	Kênh Thống Nhất	Kênh Xáng Ganh	150
9	Kênh Xáng Ganh (phía Tây)	Kênh Hương Mai	Kênh Lung Ngang	150
10	Đê Biển Tây	Cống Hương Mai	Cống Tiểu Dừa	200
3 Xã Khánh Hội				
11	Tuyến Lung Lá - Lung Ranh	Ranh đất nhà ông 8 Thống (Kênh 26/3 bờ Tây)	Đất bà Nguyễn Thị Hà	1200

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4. Xã Khánh An				
12	Tuyến lộ T23	Giáp lộ xe U Minh - Cà Mau	Vùng Đệm Vườn Quốc Gia	400

4. HUYỆN TRẦN VĂN THỜI



	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đề xuất (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
1. Xã Khánh Bình Tây Bắc				
1	Tuyến đường cứu hộ cứu nạn đê biển Tây phòng cháy chữa cháy rừng Quốc gia U Minh Hạ	Ranh đất bà Bùi Thị Thắm	Hết đất ông Nguyễn Văn Nễn	500
2	Tuyến đường ô tô về trung tâm xã	Ranh đường ống PM3	Hết ranh đất ông Đỗ Hữu Lộc	800
2. Xã Trần Hợi				
3	Tuyến T19 ấp Vô Dơi	Ranh đất ông Lâm Văn Quên	Kinh T21	350
4	Tuyến đường hẻm chợ Cơi 5 ấp 2	Ranh đất Bà Cao Hồng Mạnh	Hết đất ông Nguyễn Hoang Việt	400
5. Xã Khánh Hải				
5	Điểm dân cư nông thôn Vàm Kinh Tư	Bờ Nam	Lô L9a	300
6	nt	Bờ Nam	Lô L9b	300
7	nt	Bờ Nam	Lô L9c	300
8	nt	Bờ Nam	Lô L10a	400
9	nt	Bờ Nam	Lô L10b	400
10	nt	Bờ Bắc	Lô L9d	300
11	nt	Bờ Bắc	Lô L9e	300
12	nt	Bờ Bắc	Lô L9f	300

SECRET

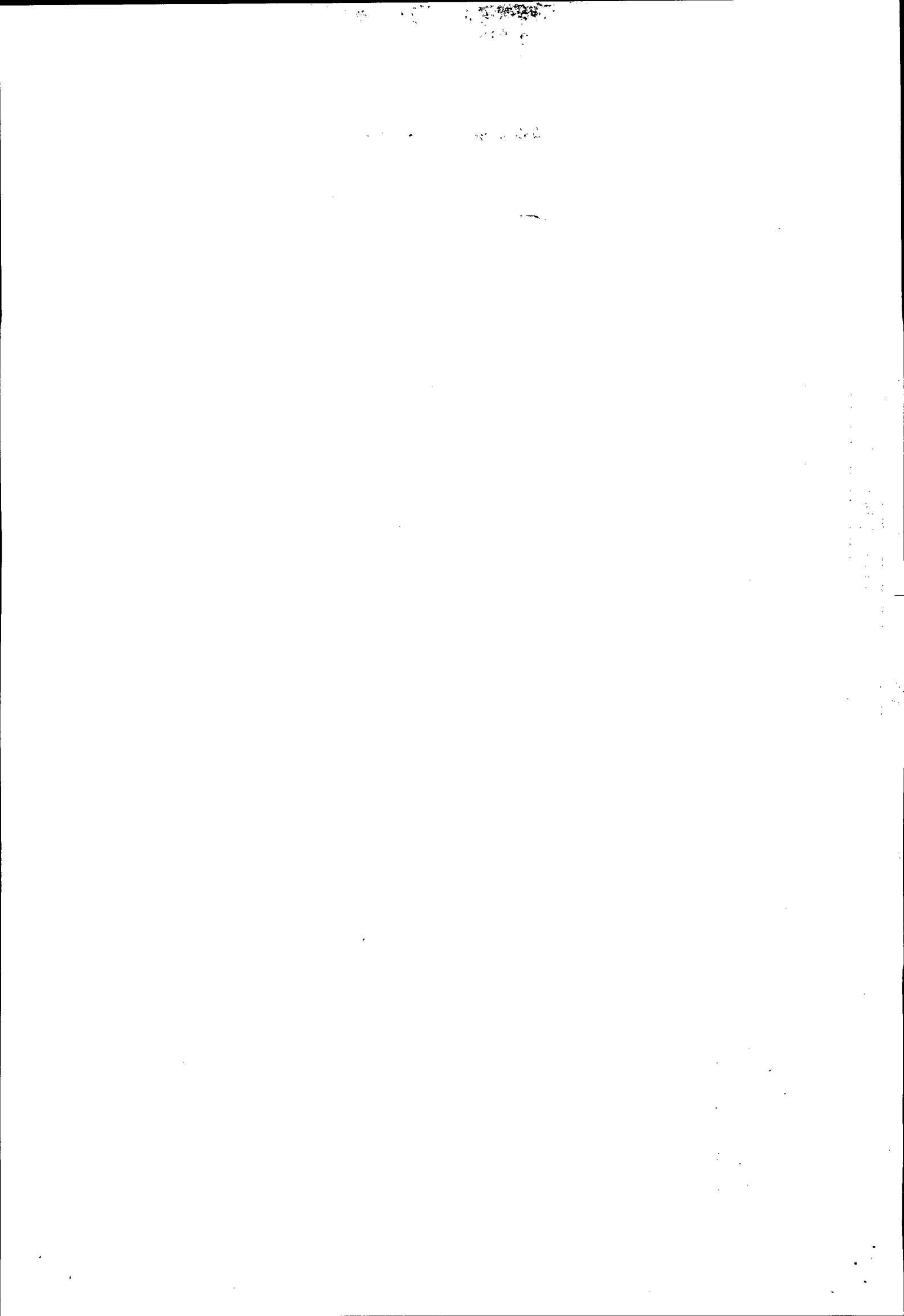
CONFIDENTIAL

CONFIDENTIAL

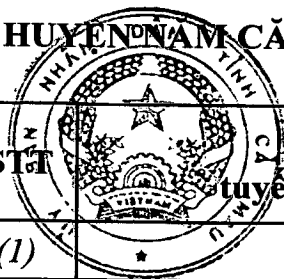
5. HUYỆN PHÚ TÂN



	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đất năm 2015 (5)
		Từ (3)	Đến (4)	
2. Xã Phú Mỹ				
1	Kênh 6 Giàu	Đầu Kênh 6 Giàu	Cuối Kênh 6 Giàu	120
2	Kênh Phú Thạch	Đầu Kênh Phú Thạch	Cuối Kênh Phú Thạch	120
3	Kênh Ngang	Đầu Kênh Ngang	Cuối Kênh Ngang	110
4	Kênh xáng Cầu sắt	Đầu Cầu sắt	Công Đá (Giáp xã Phú Tân)	110
5	Kênh Nội Đồng 1	Đầu Kênh Nội Đồng 1	Cuối Kênh Nội Đồng 1	110
6	Kênh Nội Đồng	Đầu Kênh Nội Đồng 2	Cuối Kênh Nội Đồng 2	110
7	nt	Đầu Kênh Nội Đồng 3	Cuối Kênh Nội Đồng 3	110
7. Xã Rạch Chèo				
8	Tuyến lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm về Trung tâm xã Rạch Chèo	Đầu Vàm Kênh Năm (2 bên)	Cầu Rạch Chèo ngọn (2 bên)	180
9	nt	Cầu Rạch Chèo ngọn (2 bên)	Co đất ông Trần Văn Hinh (2 bên)	180
10	nt	Co đất ông Trần Văn Hinh (2 bên)	Cầu Đê Tây (2 bên)	110
11	nt	Cầu Đê Tây (2 bên)	Cầu Bào Thùng (2 bên)	110
12	nt	Cầu Bào Thùng (2 bên)	Cầu Đường Ven (2 bên)	110
13	nt	Cầu Đường Ven (2 bên)	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	150



6. HUYỆN NĂM CĂN



STT	Đường, tuyên lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Lâm Hải				
1	Đường Hồ Chí Minh	Cầu Trại Lưới	Cầu Năm Căn	330
2. Xã Hàng Vịnh				
2	Lộ Liên huyện	Cầu Xi Tẹt	Cầu Kênh Lò (phía bắc lộ)	500
3. Xã Đất Mới				
3	Đường Hồ Chí Minh	Hết ranh Thị trấn Năm Căn	Cầu Trại Lưới	350